

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PT
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 180/2023/DS-ST

Ngày: 27-7-2023

V/v tranh chấp hợp đồng

vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Phùng

2. Ông Võ Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thận Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hoài - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 56/2023/TLST-DS ngày 13/3/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 189/2023/QĐST-DS ngày 20/6/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn L, sinh năm 1945, nơi cư trú: tổ 09, ấp Khánh Lợi, xã Khanh Hoa, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1990, cư trú: số 162, tổ 6, ấp Tân Phước, xã Tân Mỹ, huyện Chợ Mới, An Giang (văn bản ủy quyền ngày 29/3/2023) (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Ngô Văn V, sinh năm 1981, nơi cư trú: số 364, tổ 09, ấp Bình Thành, xã Phú B, huyện PT, tỉnh An Giang (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Phạm Thị Hồng Ng, sinh năm 1983, nơi cư trú: 358/9, ấp Khánh Lợi, xã Khanh Hoa, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn do bà Nguyễn Thị Th đại diện theo ủy quyền trình bày:

Do mối quan hệ bà con, Ng là cháu ruột của ông L nên ông L cho Ng và V vay tiền vào ngày 29/02/2020 al, bà Ng nhận tiền mặt 500.000.000 đồng và

ngày 13/01/2021 al, ông V nhận chuyển khoản 400.000.000 đồng, cả hai lần vay đều mục đích sử dụng cho chuyện làm ăn, phục vụ kinh tế của vợ chồng anh V, chị Ng. Do không làm biên nhận nên vào ngày 20/6/2022, ông L mới đưa tờ giấy cho Ng, V chốt nợ số tiền 900.000.000 đồng nhưng chỉ có ông V ký tên. Lãi suất thỏa thuận 2%/1tháng, nhưng từ sau khi vay đến nay không trả vốn và lãi. Ông L yêu cầu ông V và bà Ng phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền vốn 900.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất theo quy định pháp luật tính từ ngày 07/3/2023 đến ngày xét xử (đồng ý làm tròn 4 tháng).

Theo bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Ngô Văn V trình bày:

Khi còn chung sống, ông và bà Ng có làm ăn kinh doanh bãi lúa và nợ tiền vay của ông L số tiền 900.000.000 đồng, nhưng ông chỉ nhận chuyển khoản 400.000.000 đồng, còn 500.000.000 đồng thì do bà Ng nhận, ông không biết tiền gì. Biên nhận nợ ngày 20/6/2022 do ông L cung cấp đúng là ông có ký tên, nhưng ông L nói ký trước đi rồi sẽ đưa cho bà Ng ký, nay biên nhận lại không có chữ ký của bà Ng. Yêu cầu làm rõ trách nhiệm của bà Ng trong tổng số tiền 900.000.000 đồng mà ông L kiện, yêu cầu bà Ng phải cùng chịu trách nhiệm trả số tiền trên vì đây là khoản nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, khi ly hôn chưa được giải quyết.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Hồng Ng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng đều vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT phát biểu ý kiến:

Về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn, bị đơn, thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đến tham dự phiên tòa, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đã không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông V và bà Ng phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông L số tiền vốn và lãi theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015. Ông V và bà Ng phải cùng chịu án phí án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc tranh chấp đòi số tiền cho vay nên xác định quan hệ tranh chấp là “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] *Về thẩm quyền*: Bị đơn có nơi cư trú tại xã Phú B, huyện PT, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện PT theo điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] *Về sự vắng mặt của đương sự*: Bà Ng đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Ng.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông L khởi kiện đòi ông V và bà Ng cùng liên đới trả số tiền vay 900.000.000 đồng với chứng cứ là biên nhận ngày 20/6/2022, có chữ ký tên, ghi họ và tên của ông V. Bị đơn ông V thừa nhận chứng cứ trên nhưng yêu cầu bà Ng cùng chịu trách nhiệm liên đới vì là nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, ông chỉ nhận chuyển khoản 400.000.000 đồng, còn lại do bà Ng nhận 500.000.000 đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ Luật tố tụng dân sự, việc ông V thừa nhận vợ chồng có nợ ông L 900.000.000 đồng là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[2.2] Về trách nhiệm liên đới trả tiền cho nguyên đơn:

Ông L và ông V đều thống nhất đây là nợ chung của vợ chồng Ng, V trong thời kỳ hôn nhân, mục đích vay để phục vụ cho hoạt động kinh doanh bãi lúa ở Tri Tôn. Toà án đã triệu tập hợp lệ bà Ng để tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải nhưng bà Ng không đến nên không ghi nhận được ý kiến. Tuy nhiên, Toà án đã thu thập được tài liệu chứng cứ là đơn xin ly hôn ngày 11/5/2022, 19/5/2022, bản tự khai ngày 11/5/2022, 19/5/2022 của bà Ng nộp tại Toà án PT thể hiện ông V, bà Ng có nhiều khoản nợ chung, trong đó có khoản nợ của ông Phạm Văn L 900.000.000 đồng và yêu cầu ông V cùng chịu trách nhiệm chia đôi số nợ. Tại quyết định công nhận sự thỏa thuận số 210/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 13/6/2022 của Toà án PT thể hiện bà Ng và ông V không yêu cầu Toà án giải quyết nợ chung. Do đó, căn cứ Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử buộc bà Phạm Thị Hồng Ng phải có trách nhiệm liên đới cùng ông Ngô Văn V trả cho ông Phạm Văn L số tiền vay còn nợ 900.000.000 đồng.

[2.3] Về tiền lãi: Đây là hợp đồng vay có lãi và có thỏa thuận kỳ hạn trả đến tháng 12/2022. Ông V, bà Ng đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên căn cứ các Điều 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015, điểm a khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, buộc ông V và bà Ng phải trả cho ông L số tiền lãi 60.000.000 đồng (900.000.000 đồng x 20%/năm x 4 tháng).

Tổng số tiền ông V và bà Ng phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông L là 960.000.000 đồng gồm vốn 900.000.000 đồng và tiền lãi 60.000.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông V và bà Ng phải chịu án phí có giá ngạch (960.000.000 đồng x 5% = 48.000.000 đồng) theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp,

quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông L không phải chịu án phí và thuộc đối tượng người cao tuổi nên được miễn nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn L đối với ông Ngô văn V, bà Phạm Thị Hồng Ng.

Buộc ông Ngô văn V, bà Phạm Thị Hồng Ng phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Phạm Văn L số tiền 960.000.000 đồng (Chín trăm sáu mươi triệu đồng) gồm vốn 900.000.000 đồng và tiền lãi 60.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu Th hành án của người được Th hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được Th hành án) cho đến khi Th hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải Th hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải Th hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Phạm Văn L thuộc đối tượng người cao tuổi nên được miễn nộp tạm ứng án phí và không phải chịu án phí.

- Ông Ngô văn V và bà Phạm Thị Hồng Ng phải cùng chịu án phí 40.800.000 đồng (Bốn mươi triệu tám trăm ngàn đồng).

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà Ng vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được Th hành theo quy định tại Điều 2 Luật Th hành án dân sự thì người được Th hành án dân sự, người phải Th hành án dân sự có quyền thỏa thuận Th hành án, quyền yêu cầu Th hành án, tự nguyện Th hành án hoặc bị cưỡng chế Th hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Th hành án dân sự; thời hiệu Th hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Th hành án dân sự./.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOẠ